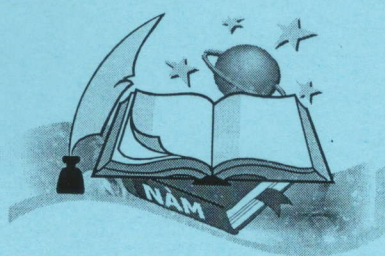


ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG MỸ LỘC
TRƯỜNG MẦM NON MỸ HƯNG



KẾ HOẠCH
THU CHI CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ
PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2025-2026

Số: 10/KH-MNMH

Mỹ Lộc, ngày 09 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH

Thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục Học kỳ II, Năm học 2025-2026

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi là Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND);

Căn cứ Hướng dẫn số 758/SGDDĐT-GDMN ngày 10/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 37/SGDDĐT-TC ngày 08/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 của nhà trường. Trường Mầm non Mỹ Hưng xây dựng Kế hoạch thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục học kỳ II, năm học 2025 - 2026 như sau:

I. Dự kiến số trẻ đến trường trung bình trong học kỳ II

STT	Tên lớp	Số lớp	Số trẻ	Số trẻ đi học ngày thứ bảy
1	Nhóm trẻ 24 – 36 tháng	4	74	66
2	Lớp 3 - 4 tuổi	4	79	59
3	Lớp 4 - 5 tuổi	4	92	62
4	Lớp 5 - 6 tuổi	4	96	65
	Cộng	16	341	252

II. Thu, chi các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2025-2026

1. Dịch vụ ăn uống, bán trú

a) Dịch vụ ăn bán trú (bao gồm tiền ăn, chất đốt)

* Cơ sở mức thu

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

+ Định mức thu tiền ăn bán trú: Nhà trường xây dựng bảng thực đơn cụ thể hàng tháng (tuần chẵn và tuần lẻ) và đảm bảo chất lượng dinh dưỡng cho từng độ tuổi, dự kiến mức thu tiền mua thực phẩm theo khẩu phần ăn là 22.000 đồng/trẻ/ngày. Thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

+ Nhà trường dự kiến thu: Tiền chất đốt và các chi phí khác có liên quan: 2.000 đồng/trẻ/ngày, thu theo số ngày thực tế trẻ đi học

* *Dự kiến thu:*

- Tiền ăn: $341 \text{ trẻ} \times 22.000 \text{ đồng/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 5 \text{ tháng} = 975.260.000 \text{ đồng}$.

- Tiền chất đốt: $341 \text{ trẻ} \times 2.000 \text{ đồng/ngày} \times 26 \text{ ngày} \times 5 \text{ tháng} = 88.660.000 \text{ đồng}$.

* *Dự toán chi:* Cụ thể:

- Chi mua lương thực, thực phẩm theo khẩu phần: 975.260.000 đồng

- Chi mua chất đốt và các chi phí khác có liên quan như (in sổ sách thu chi, thực đơn, bảng kê, băng dính, bút viết bảng, nước rửa bát, găng tay, khẩu trang, tạp dề, rổ, tem lưu mẫu thức ăn, bảng biểu nhà bếp các loại,.....): 88.660.000 đồng

b) Dịch vụ quản lý học sinh bán trú

* *Cơ sở mức thu*

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: 6.000 đồng/trẻ/ngày. Thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

* *Dự kiến thu:* $341 \text{ trẻ} \times 6.000 \text{ đồng} \times 26 \text{ ngày/tháng} \times 5 \text{ tháng} = 265.980.000 \text{ đồng}$.

* *Dự toán chi*

Chi trả tiền công cho giáo viên trực tiếp chăm sóc, công tác quản lý buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính. Cụ thể:

- Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (75%): 199.485.000 đồng

- Chi công tác quản lý (25%): 66.495.000 đồng

c) Dịch vụ nấu ăn

* *Cơ sở mức thu*

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: 100.000đồng/trẻ/tháng. Thu theo số tháng thực tế trẻ đi học.

** Dự kiến thu*

341 trẻ x 100.000 đồng x 5 tháng = 170.500.000 đồng.

** Dự toán chi 170.500.000 đồng. Cụ thể:*

Chi trả 170.500.000 đồng cho tiền công và các khoản đóng góp theo quy định (nếu có) cho nhân viên nấu ăn tại nhà trường.

d) Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú

** Cơ sở mức thu*

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: Thu lần đầu tuyển mới vào trường (đầu cấp): 300.000 đồng/trẻ/lần

** Dự kiến thu:*

85 trẻ x 300.000 đồng/trẻ = 25.500.000 đồng

** Dự toán chi: 25.500.000 đồng*

- Chi phí mua sắm đồ dùng, dụng cụ nhà bếp phục vụ nấu ăn; chi phí mua đồ dùng cá nhân cho trẻ em, học sinh bán trú: 25.500.000 đồng

2. Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày nghỉ, ngày hè, ngoài giờ hành chính

- Dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày thứ bảy, ngày hè

** Cơ sở mức thu*

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: 30.000đồng/trẻ/ngày. Thu theo số ngày thực tế trẻ đi học.

** Dự kiến thu: 252 trẻ x 30.000 đồng x 20 ngày = 151.200.000 đồng*

** Dự toán chi: 151.200.000 đồng. Cụ thể:*

- Nộp thuế TNCN (2% x 151.200.000 đồng): 3.024.000 đồng
- Kinh phí còn lại sau nộp thuế: 148.176.000 đồng

Trong đó:

+ Chi thù lao cho giáo viên dạy trực tiếp (70%) 103.723.200 đồng
+ Chi cho BQL dạy thêm học thêm (18%): 26.671.680 đồng
+ Chi điện, nước, sửa chữa CSVC (12%): 17.781.120 đồng

3. Dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục khác

a) Dịch vụ vệ sinh trường, lớp, khu vệ sinh

* Cơ sở mức thu

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

- Nhà trường dự kiến thu: 30.000đồng/trẻ/tháng. Thu theo số tháng thực tế trẻ đi học.

* Dự kiến thu: $341 \text{ trẻ} \times 30.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} = 51.150.000 \text{ đồng}$.

* Dự toán chi: 51.150.000 đồng. Cụ thể:

- Chi tiền công vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh, sân trường: Nhà trường sẽ thuê 1 ngày 3,5 giờ để dọn vệ sinh. Số tiền 1 giờ sẽ là: $4.730.000\text{đ} / 26 \text{ ngày} / 8 \text{ tiếng} = 22.700\text{đ}$

Tổng số tiền thuê người dọn vệ sinh: $(22.700\text{đ} \times 3,5 \text{ giờ} \times 26 \text{ ngày}) \times 2 \text{ người} \times 5 \text{ tháng} = 20.540.000\text{đ}$

- Chi tiền thuê dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt (5 tháng $\times 740.000\text{đ}/\text{tháng}$) = 3.700.000 đ

- Chi mua sắm đồ dùng, dụng cụ vệ sinh, hoá chất; sửa chữa, thay thế thiết bị vệ sinh, hệ thống điện nước khu vệ sinh học sinh và các chi phí khác có liên quan: 26.910.000đ

b) Dịch vụ nước cho học sinh

* Cơ sở mức thu:

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường dự kiến thu: 20.000 đồng/trẻ/tháng. Thu theo số tháng thực tế trẻ đi học.

* Dự kiến thu:

- $341 \text{ trẻ} \times 20.000 \text{ đồng/trẻ/tháng} \times 5 \text{ tháng} = 34.100.000 \text{ đồng}$.

* Dự toán chi: 34.100.000 đồng. Cụ thể:

+ Chi tiền thuê người đun nước cho học sinh thuê khoán cả tiền công và gas đun nước: $(1.500.000\text{đ}/\text{tháng}) \times 2 \text{ người} \times 5 \text{ tháng} = 15.000.000\text{đ}$

+ Kiểm nghiệm nguồn nước: $600.000\text{đ}/\text{lần} \times 2 \text{ khu} = 1.200.000 \text{ đ}$

+ Chi tiền nước sạch 2 khu: $2.300.000\text{đ}/\text{tháng} \times 5 \text{ tháng} = 11.500.000\text{đ}$

+ Còn lại chi sửa chữa bảo dưỡng máy lọc nước, thay lõi lọc nước, mua đồ dùng phục vụ cho học sinh như ca, cốc, bình inox, ... : 6.400.000đ

c) Dịch vụ làm mát bằng điều hòa, cung cấp nước nóng

** Cơ sở mức thu:*

Căn cứ Nghị quyết số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình.

Nhà trường thu dịch vụ làm mát bằng điều hòa và cung cấp nước nóng bằng bình nóng lạnh theo thực tế sử dụng, mức tạm thu là 30.000 đồng/trẻ/tháng, thu theo số tháng thực tế sử dụng.

** Dự kiến thu*

Dịch vụ làm mát bằng điều hòa, cung cấp nước nóng: 341 trẻ x 30.000 đồng/trẻ = 10.230.000 đồng/tháng

** Dự toán chi*

- Kinh phí chi trả tiền điện của tháng sử dụng điều hòa và bình nóng lạnh được chi từ 100% số tiền thu được từ dịch vụ làm mát bằng điều hòa và nguồn thu khác của nhà trường.

III. Công tác thu qua tài khoản ngân hàng:

Nhà trường triển khai thu 100% bằng tài khoản ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh Mỹ Lộc qua số tài khoản 3210201008205.

IV. Công khai các khoản thu

Nhà trường thực hiện công khai các khoản thu, chi theo quy định tại: Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT; Thông tư số 19/2005/TT - BTC ngày 11/3/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công khai tài chính đối với các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân; Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 của Bộ GDĐT hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ sở giáo dục công lập; các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Việc công khai được thực hiện bằng hình thức công khai trên trang thông tin điện tử của trường.

V. Công tác chỉ đạo quản lý

